

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 479/2025/HS-PT

Ngày: 14- 11 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn H;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ H;

Ông Nguyễn Vũ Đ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân T, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị L - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 352/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Trần Văn H, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 574/2025/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:**

Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; giới tính: nam; ĐKKHKT: Khu 4, thôn TH Lũng, xã Tiên Phong, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội (nay là xã Quảng Oai, Thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị T; có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/9/2024 đến nay (Trại tạm giam số 1); có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu:** Ông Nguyễn Hải N và ông Phùng Viết V – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Vina Win, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Bị hại có kháng cáo:** Anh Trần Văn H, sinh năm 1989; nơi cư trú: số 7 ngõ 2 phố Đình Quán, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

*** Bị hại không kháng cáo được Tòa án T tập:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 34 ngõ 132 Khương Trung, pH Khương Đình, thành phố Hà Nội; có mặt.

Trong vụ án còn có: Người bị hại anh Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; bị cáo không bị kháng nghị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T làm nghề kinh doanh máy tính cũ từ năm 2016. Quá trình kinh doanh, T tH xuyên đăng nhập vào các trang Web trên các trang mạng, trong đó có trang web <https://www.techliquidators.com>, là sàn kinh doanh thương mại điện tử của Mỹ để tìm thông tin liên quan đến việc bán máy tính cũ, mua về bán lại kiếm tiền lời. Để vào được trang web này, T đã cài đặt 01 tài khoản có tên miền là nvananhba@gmail.com và đặt mật khẩu là 25101987Tien@@) để đăng nhập. Khi đấu giá thành công được lô hàng máy tính cũ, T đặt thuê Công ty cổ phần vận chuyển và kho vận PCS POST (Công ty PCS POST) có địa chỉ tại số nhà 07, phố Quang T, pH Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội để vận chuyển về Việt Nam. T tự thao tác đăng nhập vào trang Web <https://www.techliquidators.com> để tìm hiểu cách thức, phương thức quy trình đấu giá, phương thức chuyển tiền, loại tiền khi đấu giá thành công. T biết quy định việc trả tiền đấu giá thành công phải trả bằng đô la Mỹ (USD) và khi đấu giá thành công, phải sau 07 ngày mới phải tH toán tiền. Để có tiền USD, T đến phố Hà Trung, thành phố Hà Nội đổi tiền Việt Nam đồng (VNĐ) sang USD. Sau khi đổi được tiền, T thuê một số chủ tiệm vàng chuyển tiền USD sang Mỹ, trả tiền cho các lô hàng máy tính cũ đã đấu giá thành công. Việc chuyển tiền sang Mỹ được các chủ tiệm vàng chuyển khoản vào tài khoản của người bán hàng bên Mỹ. Khi người bán hàng ở Mỹ nhận được tiền tH toán cho lô hàng do T đã đấu giá thành công, người bán hàng sẽ chuyển hàng đến kho hàng của Công ty PCS POST theo yêu cầu của T. Công ty PCS POST sẽ nhận hàng, chuyển hàng về Việt Nam (trong khoảng thời gian từ 25 đến 30 ngày) và giao hàng cho T. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, trả nợ và có tiền để tiếp tục đầu tư đồng tiền ảo (Coin), T đã đưa ra thông tin cho anh Trần Văn H và anh Phạm Văn T là T vẫn thực hiện việc đấu giá các lô hàng trên trang thương mại, khi được công nhận đấu giá thành công và trong thời gian chờ tH toán tiền, và để anh H, anh T tin tưởng, T đã chụp lại hình ảnh về việc đấu giá thành công phiên đấu giá máy tính cũ, có quyền được mua lô hàng rồi gửi lại cho anh H, anh T xem. Nếu anh H, anh T nghi ngờ, T sẽ cung cấp tài khoản riêng của mình để anh H, anh T tự đăng nhập vào kiểm tra và biết được T đã thực hiện việc đấu giá thành công lô hàng này, đang chờ chuyển về Việt Nam. Ngoài ra, T còn dùng thủ đoạn gian dối nói với anh H, anh T là đang đi gom tiền USD, tức là đang có người bán tiền USD giá rẻ, phải mua ngay để gom lại, khi nào có phiên đấu giá mới sẽ dùng tiền này để trả tiền đấu giá. Bằng thủ đoạn trên, từ tháng 05/2024 đến ngày 25/7/2024, T đã nhận của anh H, anh T chuyển

tổng số 2.735.539.600 đồng. T đã đấu giá thành công và mua 02 lô hàng có trị giá là 172.021.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 2.563.518.600 đồng sử dụng cá nhân hết. Cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt số tiền 1.732.647.600 đồng của anh Trần Văn H.

Năm 2018, T quen biết anh Trần Văn H do cả hai thuê trọ ở gần nhau và T biết anh H có kiến thức về sửa chữa máy tính. Khoảng cuối tháng 04/2024, T đặt được một lô hàng gồm 14 máy tính laptop đã qua sử dụng ở trang thương mại điện tử của Mỹ là <https://www.techliquidators.com> với giá trị quy đổi ra VNĐ là khoảng 80.000.000 đồng. Do không có đủ vốn để mua lô hàng trên nên T rủ anh H tham gia. Hai bên thống nhất mỗi một lô hàng T nhập được về cho anh H thì T sẽ được hưởng 5.000.000 đồng tiền công và 06% giá trị lô hàng là tiền hoa hồng. Anh H sẽ phải chuyển đủ số tiền gồm tiền hàng, tiền công và tiền hoa hồng cho T để T đặt hàng. Anh H đồng ý nên đã chuyển số tiền 90.000.000 đồng vào tài khoản số 0491000117736 của T mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank). Sau đó, T đã đặt được mua được lô hàng và giao cho anh H đúng thỏa thuận. Sau đó, T biết anh H đã bán lại lô hàng này cho anh Phạm Văn T (sinh năm 1984; trú tại căn hộ 101, nhà A4, tập thể Khương Trung, pH Khương Trung, quận TH Xuân, thành phố Hà Nội) và được lãi 15.000.000 đồng. Trong giao dịch này, T được hưởng lợi khoảng 10.000.000 đồng là tiền công và tiền hoa hồng như đã thỏa thuận từ trước với H.

Sau lần giao dịch trên, từ khoảng giữa tháng 05/2024, T đang trong tình trạng nợ tiền của nhiều người, muốn có tiền để trả nợ và đầu tư đồng tiền ảo. T thấy anh H đã tin tưởng và biết anh H có nhu cầu mua laptop với số lượng lớn, nên đã nảy sinh ý định đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của anh H. T kiểm tra trên trang thương mại điện tử ở Mỹ có đấu giá các lô hàng là máy tính laptop đã qua sử dụng và chính sách tH toán của các trang thương mại này là sau khi đấu thành công, trong vòng 07 ngày mới phải tH toán tiền. Do đó, T đã thực hiện việc đấu giá các lô hàng có thật trên trang thương mại và chụp lại hình ảnh về việc đã đấu giá thành công, có quyền được mua lô hàng rồi gửi cho anh H. Khi thấy anh H còn chưa tin tưởng thì T đã cung cấp cả tài khoản của mình để anh H tự vào kiểm tra và thấy được T đã đấu giá thành công; mục đích để anh H tin tưởng và chuyển tiền cho T. Thực tế, T đã có sẵn ý định về việc sau khi nhận được tiền của anh H, T sẽ sử dụng tiền đó vào việc trả nợ, đầu tư đồng tiền ảo, tiêu sài cá nhân và không nhập hàng về trả cho anh H. Với phương thức thủ đoạn như trên, từ ngày 15/5/2024 đến ngày 25/7/2024, T đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh H cụ thể như sau:

- Khoảng giữa tháng 04/2024, T báo cho anh H biết về việc T đã đấu giá thành công lô hàng 36 chiếc laptop với giá trị được quy đổi sang VNĐ là khoảng 400.000.000 đồng. T lấy lý do là không đủ tiền để nhập cả lô 36 máy nên rủ anh H cùng góp vốn để nhập lô hàng và đảm bảo với anh H là nhập về bán sẽ có lãi. Anh H tin tưởng nên đã đồng ý góp vốn cùng T. Hai bên thỏa thuận là anh H sẽ

góp số tiền 290.000.000 đồng (tương ứng sẽ được nhận 24 máy tính), T góp số tiền 145.000.000 đồng (tương ứng sẽ được nhận 12 máy tính). Ngày 15/5/2024, anh H đã chuyển vào tài khoản số 0491000117736 của T mở tại Ngân hàng Vietcombank số tiền 320.000.000 đồng, trong đó có 290.000.000 đồng là tiền góp để mua hàng và 30.000.000 đồng là tiền T vay anh H. Đối với số tiền 30.000.000 đồng vay anh H thì ngày 16/5/2024, T đã chuyển khoản trả lại cho H 20.000.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng.

- Ngày 29/5/2024, anh H chuyển 02 lần tiền vào tài khoản số 0491000117736 của T mở tại Ngân hàng Vietcombank với số tiền 80.000.000 đồng và 119.000.000 đồng.

- Ngày 03/6/2024, anh H chuyển tiền vào tài khoản của T 126.000.000 đồng. T đã chuyển khoản số tiền 116.704.000 đồng đến tài khoản số 1044809501 mở tại Ngân hàng Vietcombank mang tên Trinh Văn Tuyên, T khai là tài khoản của người có cửa hàng vàng ở phố Hà Trung để đổi sang đồng USD và thực hiện thao tác đặt mua 14 máy laptop. Lô hàng này đã được T nhận NH sau khi hàng về, T đã báo với anh H là lô hàng bị xấu và bán cho người khác. T đã chuyển trả tiền cho anh H 02 lần: Lần thứ nhất vào ngày 02/7/2024, T trả được 20.000.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 07/7/2024, T trả được 60.000.000 đồng.

- Ngày 05/6/2024 và ngày 10/6/2024, anh H chuyển tiền vào tài khoản của T 02 lần, lần thứ nhất chuyển 103.900.000 đồng và lần thứ hai chuyển 86.000.000 đồng.

- Ngày 10/6/2024, anh H chuyển tiền vào tài khoản của T 129.200.000 đồng.

- Ngày 11/6/2024, anh H chuyển tiền vào tài khoản của T 76.650.000 đồng.

- Ngày 12/6/2024, anh H chuyển tiền vào tài khoản của T 03 lần, lần 1 chuyển 156.600.000 đồng, lần 2 chuyển 89.425.000 đồng và lần 3 chuyển 33.900.000 đồng.

- Ngày 13/6/2024, anh H chuyển vào tài khoản của T số tiền 14.000.000 đồng.

- Ngày 12/7/2024, anh H chuyển tiền vào tài khoản của T 129.500.000 đồng.

- Ngày 24/7/2024, anh H chuyển tiền vào tài khoản của T 03 lần tổng số tiền 115.599.600 đồng

- Ngày 25/7/2024, anh H chuyển vào tài khoản của T 02 lần tổng số tiền 342.400.000 đồng.

Tổng số tiền T đã nhận của anh H là 1.935.355.000 đồng, đã trả lại cho anh H 100.000.000 đồng. Trong quá trình T đấu giá mua máy tính cũ cho anh H, T đã đấu giá thành công và mua cho anh H 01 lô hàng gồm 14 chiếc máy tính cũ để giao cho anh H vào giữa tháng 09/2024 có trị giá là 105.000.000 đồng. Ngoài ra ngày 24/5/2024, anh H nhờ T đặt mua nước hoa trên sàn đấu giá. T kiểm tra thấy có lô nước hoa quy đổi ra VNĐ là 25.500.000 đồng nên đã báo cho anh H để anh

H chuyển tiền. Thực tế, T không đặt hàng và không đấu giá được lô hàng này (do chưa tH toán lô hàng 36 máy tính trước đó), nH T vẫn báo là đấu giá được để anh H chuyển tiền. Anh H tin tưởng và đã trừ luôn số tiền 10.000.000 đồng do trước đó T đang nợ H, nên chuyển cho T số tiền 15.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của T. Như vậy, tổng số tiền do T đã chiếm đoạt của anh H là 1.732.647.600 đồng.

2. Chiếm đoạt số tiền 730.844.000 đồng của anh Phạm Văn T.

Khoảng tháng 03/2024, anh T đặt vấn đề với T là muốn nhập hàng với số lượng nhiều để được giá rẻ hơn. Đến khoảng cuối tháng 05/2024, lúc này T đang nợ nần nhiều nên nảy sinh ý định sẽ đưa ra các thông tin gian dối giống như thủ đoạn với anh H nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của anh T. Để thực hiện ý định, T đã lấy lý do là muốn mua được hàng ở bên Mỹ thì T cần đổi tiền VNĐ ra tiền USD và nói với anh T là T có chị gái ruột là Nguyễn Thị Hồng Minh (sinh năm 1987) hiện đang sinh sống bên Mỹ, nên có cách gom đồng USD giá rẻ hơn thị trường. Mỗi khi có người đang sinh sống, làm việc bên Mỹ có nhu cầu gửi tiền về cho người thân ở Việt Nam, T sẽ gửi tiền mặt cho người thân của người đó, chị Minh sẽ nhận tiền USD ở bên Mỹ và tích dần để đến khi có phiên đấu giá sẽ dùng đến. Thực tế, T không nhờ chị Minh gom đồng USD cho T và cũng không tìm người để đổi đồng USD như T đã nói với anh T. T và anh T thỏa thuận, thống nhất anh T sẽ chuyển tiền cho T để mua máy tính từ bên Mỹ về Việt Nam giao cho anh T. Tiền công T được hưởng cho mỗi một lô hàng nhập về Việt Nam là 5.000.000 đồng, cộng thêm tiền hoa hồng là 03% giá trị lô hàng. Anh T đồng ý và nhiều lần chuyển tiền cho T để T đổi sang đồng tiền USD, T sẽ gom lại để chờ có phiên đấu giá T sẽ đấu giá mua máy tính cho anh T như đã thỏa thuận. Anh T sử dụng tài khoản số 7989999 và tài khoản số 19087779999032 của anh T mở tại Ngân hàng Techcombank để chuyển tiền vào tài khoản số 0491000117736 của T mở tại Ngân hàng Vietcombank. Sau khi nhận được tiền của anh T, T không thực hiện việc đấu giá mua máy tính cho anh T mà chiếm đoạt để sử dụng chi tiêu cá nhân. Cụ thể như sau:

- Ngày 02/6/2024, anh T đã chuyển cho T số tiền 76.650.000 đồng (tương đương 3.000 USD).

- Ngày 14/6/2024, anh T đã chuyển cho T số tiền 51.100.000 đồng (tương đương 2.000 USD).

- Ngày 15/6/2024, anh T đã chuyển cho T số tiền 89.250.000 đồng (tương đương 3.500 USD).

- Ngày 24/6/2024, anh T đã chuyển cho T số tiền 13.915.000 đồng (tương đương 550 USD).

- Ngày 02/7/2024, T báo với anh T là có người cần đổi 2.500 USD tương đương với 63.750.000 đồng nên anh T đã chuyển cho T số tiền 63.750.000 đồng.

- Ngày 05/7/2024, anh T đã chuyển cho T số tiền 51.100.000 đồng (tương đương 2.000 USD).

- Ngày 06/7/2024, anh T đã chuyển cho T số tiền 104.000.000 đồng (tương đương với 4.000 USD).

- Ngày 08/7/2024, anh T đã chuyển cho T số tiền 94.100.000 đồng (tương đương với 3.525 USD).

- Ngày 16/7/2024, anh T đã chuyển cho T số tiền 254.000.000 đồng (tương đương 10.000 USD). Số tiền này sau đó được T sử dụng vào mục đích đầu tư tiền ảo, cụ thể:

Tổng số tiền T nhận của anh T là 797.865.000 đồng. Cùng thời gian trên, T còn bán cho anh T 02 máy tính mà T có sẵn với giá 67.021.000 đồng và đã trừ luôn vào số tiền anh T chuyển cho T. Như vậy, T chiếm đoạt của anh T số tiền là 730.844.000 đồng.

Quá trình điều tra vụ án, gia đình Nguyễn Văn T đã trả lại anh Phạm Văn T 100.000.000 đồng, còn chiếm đoạt của anh T số tiền 630.844.000 đồng.

Ngoài hành vi chiếm đoạt tiền của anh Trần Văn H và anh Phạm Văn T, Cơ quan điều tra còn nhận được đơn của anh Đỗ TH C tố giác Nguyễn Văn T có hành vi chiếm đoạt số tiền 270.000.00 đồng. Qua điều tra, Cơ quan điều tra xác định như sau: Năm 2018, T quen biết anh C và đến năm 2022, T cần tiền để tiêu dùng nên đã vay anh C số tiền 400.000.000 đồng (*việc vay nợ không viết giấy tờ ghi nhận*). Đến tháng 03/2024, T rủ anh C góp tiền để đầu tư mua máy tính cũ ở Mỹ về Việt Nam bán kiếm tiền lãi. Do biết T làm nghề buôn bán máy tính cũ nên anh C đồng ý góp vốn cùng T và thỏa thuận như sau: Anh C góp tiền vốn, việc nhập hàng và bán hàng do T thực hiện, lợi nhuận sẽ được chia đôi. Sau khi thỏa thuận xong thì ngày 09/3/2023, anh C chuyển cho T 3.000.000 đồng; ngày 10/3/2023 anh C chuyển 363.000.000 đồng và ngày 13/3/2023, anh C đã chuyển cho T 30.000.000 đồng (tổng là 396.000.000 đồng). Tất cả những lần chuyển tiền trên, anh C đều chuyển từ tài khoản số 19031349694011 của anh C mở tại Ngân hàng Techcombank vào tài khoản số 0491000117736 của T mở tại Ngân hàng Vietcombank. Ngoài ra, anh C còn trực tiếp đưa cho T số tiền 4.000.000 đồng để nhập hàng về bán. T đã vào trang thương mại điện tử của Mỹ để đấu giá thành công 03 lô hàng máy tính cũ, bằng số tiền góp chung vốn với anh C và nhập về Việt Nam. Sau khi bán được 03 lô hàng trên có tiền lãi, anh C và T thỏa thuận không chia tiền lãi ngay mà sẽ gộp vào số vốn ban đầu để nâng số vốn chung lên, đồng thời tiếp tục mua thêm các lô hàng máy tính khác. Khoảng 03 tháng sau, do buôn bán không có lãi nên anh C muốn rút tiền vốn góp chung với T và yêu cầu T trả lại tổng số tiền là 800.000.000 đồng, gồm 400.000.000 đồng tiền anh C cho vay trước đó và 400.000.000 đồng tiền vốn góp cho T để mua máy tính. T đã trả hết cho anh C số tiền 400.000.000 đồng đã vay, còn tiền do anh C góp vốn thì T mới trả được 130.000.000 đồng, còn nợ lại 270.000.000 đồng. Do chưa có tiền trả tiếp cho anh C nên ngày 12/6/2024, T đã viết Giấy cam kết trả tiền cho anh C

với nội dung: “Đây là số tiền anh C nhờ tôi mua hộ laptop, sau đó do làm ăn thua lỗ tôi đã dùng số tiền đó vào việc trả nợ cá nhân và không mua được hàng cho anh C, Hiện tại tôi đã trả được cho anh C 130 T đồng, nay tôi viết giấy này xin trả dần mỗi tháng 50 T...”. Thời gian sau đó, T không có khả năng trả nợ cho anh C như đã cam kết nên ngày 30/7/2024, anh C đã gửi đơn đến Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố Hà Nội tố giác T có hành vi chiếm đoạt tiền và yêu cầu T trả lại số tiền 270.000.000 đồng. Xác định, đây là giao dịch dân sự giữa anh C và T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Ngày 19/9/2024, Nguyễn Văn T đã đến Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan C sát điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án, gồm:

- Thu giữ của bị can Nguyễn Văn T: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu xám, bên ngoài có ghi dòng chữ “Model: TA-1424”.

- Thu giữ do anh Trần Văn C giao nộp: 01 giấy cam kết trả tiền cho anh C do Nguyễn Văn T viết ngày 12/06/2024 (bản phô tô).

- Thu giữ do anh Trần Văn H giao nộp: 01 giấy biên nhận tiền đặt cọc nội dung góp tiền mua hàng ở Mỹ giữa Nguyễn Văn T và anh H (bản phô tô) cùng các tin nhắn thỏa thuận về việc góp tiền mua máy tính giữa anh H và T.

- Thu giữ do anh Phạm Văn T giao nộp: Các tin nhắn hội thoại thỏa thuận việc góp tiền mua máy tính giữa anh T và Nguyễn Văn T.

Cơ quan điều tra đã xác minh tại Công ty cổ phần vận chuyển và kho vận PCS POST xác nhận có việc Công ty PCS POST vận chuyển hàng bên Mỹ về Việt Nam giao cho Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên Công ty không lưu giữ được lịch vận chuyển hàng hóa của T.

T hành cho bị can Nguyễn Văn T thao tác đăng nhập vào trang web đấu giá, đặt hàng máy tính theo lời khai của T, kết quả: T đăng nhập được vào trang web, NH khi đăng nhập vào tài khoản nvananhba@gmail.com với mật khẩu là 25101987Tien@@) thì tài khoản này đã bị khóa. Nguyễn Văn T tự thao tác để đăng nhập vào ứng dụng giao dịch Bybit bằng tài khoản: kd1tienbinh8@gmail.com của T, qua kiểm tra xác định tài khoản này đã thực hiện nhiều giao dịch khác nhau để mua đồng tiền USDT (tiền đô la điện tử), hiện tài khoản này không còn đồng tiền USDT.

Đối với bà Lê Thị Thêm, chị Nguyễn Thị Kim Anh, chị Nguyễn Thị Kim Tuyền, chị Nguyễn Thị Vân Anh, anh Nguyễn Chí T và anh Giang Văn Phương, là những người đã cho Nguyễn Văn T mượn tài khoản ngân hàng để nhận tiền của anh Phạm Văn T và anh Trần Văn H để T đổi lấy tiền mặt và trả nợ. Kết quả điều tra xác định những người trên đều không biết rõ nguồn gốc số tiền do T nhận và không được hưởng lợi từ việc cho mượn tài khoản nên không đồng phạm với T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý

bà Thêm, chị Kim Anh, chị Tuyên, chị Vân Anh, anh T và anh Phương về hành vi trên.

Đối với chị Lê Thị H, chị Lê Thị M, anh Nguyễn TH An, anh Trần Thế A, anh Nguyễn Huy H, anh Nguyễn Vũ M, anh Phùng Thế K và chị Huỳnh Thị T, là những người làm dịch vụ buôn bán USDT trên mạng xã hội. Những người có tên trên đều không biết nguồn gốc số tiền do Nguyễn Văn T dùng để mua USDT là chiếm đoạt của người khác nên không vi phạm pháp luật hình sự. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị H, chị M, anh A, anh L, chị Y, anh H, anh T, anh Thế A, anh L, anh H, anh H, anh M, anh K và chị T.

Tại Bản cáo trạng số 320/CT-VKSHN-P2 ngày 06/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 574/2025/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 14 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2024.

2. Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc Nguyễn Văn T bồi tH anh Trần Văn H 1.632.674.600 đồng, bồi tH anh Phạm Văn T 630.844.000 đồng. Tổng số tiền phải bồi tH là 2.263.518.600 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm tH toán.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/8/2025 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 29/8/2025, bị hại anh Trần Văn H kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo phải bồi tH toàn bộ thiệt hại cho anh H theo phán quyết của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện rút kháng cáo.

Bị hại Trần Văn H vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đánh giá tính chất, mức độ, hậu

quả hành vi phạm tội của bị cáo; xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn T bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét đầy đủ về nhân thân và tuyên bị cáo 14 năm 06 tháng tù là đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T tự nguyện rút kháng cáo; bị hại Trần Văn H có kháng cáo vắng mặt, không có thêm tình tiết gì mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị hại; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Trần Văn H trong thời hạn, đúng quy định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có người tham gia tố tụng nào khiếu nại về hành vi tố tụng của những người T hành tố tụng, nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

Tại cấp phúc thẩm, người bị hại Trần Văn H được T tập hợp lệ đến lần thứ hai NH vắng mặt. Hội đồng xét xử T hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện rút kháng cáo. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

[2] Về nội dung: xét kháng cáo của bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã xác định. Lời khai thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, sao kê giao dịch ngân hàng, nội dung tin nhắn giữa bị cáo và bị hại và chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Văn T làm nghề kinh doanh máy tính cũ, T tH xuyên vào các trang Web trên các trang mạng để tìm thông tin liên quan đến việc mua bán máy tính cũ về bán lại kiếm lời. Do thua lỗ nhiều trong đầu tư chơi tiền ảo (đồng Coin) trên các trang mạng dẫn đến T phải vay nợ nhiều người, Nguyễn Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin về các lô hàng máy tính cũ đã được T đầu giá thành công và đang chờ giao hàng về Việt Nam để anh

Trần Văn H, anh Phạm Văn T góp tiền cùng mua đầu giá máy tính cũ trên sàn giao dịch điện tử: <https://www.techliquidators.com> của Mỹ chuyển về Việt Nam bán. Anh H, anh T tin tưởng nên từ khoảng tháng 5/2024 đến ngày 25/7/2024, anh H và anh T chuyển tổng số tiền 2.735.539.600 đồng (trong đó anh H chuyển số tiền 1.937.647.600 đồng, anh T chuyển tổng số tiền 797.865.000 đồng). T đã đầu giá thành công và mua 02 lô hàng có trị giá là 172.021.000 đồng cho anh H, anh T và đã hoàn trả lại anh H số tiền 100.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 2.563.518.600 đồng và sử dụng cá nhân hết. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xử phạt bị cáo 14 năm 06 tháng tù là phù hợp, không nhẹ.

Tại cấp phúc thẩm bị hại Trần Văn H không có thêm tình tiết mới khác với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Về trách nhiệm bồi tH của bị cáo cho bị hại, người bị hại thống nhất về số liệu. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

Quan điểm của Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Trần Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm a, đ khoản 1; khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn H; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 574/2025/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

1. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T** 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2024.

2. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Văn T** và bị hại **Trần Văn H** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo **Nguyễn Văn T** đã nộp 40.200.000 (bốn mươi T, hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu tiền số 0004255 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đ

Hồ Sỹ H

Điền Văn H

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- THADS TP Hà Nội;
- TTG số 1 CA TP Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG - 02 bản);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VPTPT./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điền Văn H